

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HS-ST.
Ngày 21/6/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ngừ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long và ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K T - tỉnh K T, đưa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tiếp đối với vụ án hình sự thụ lý số 63/2023/TLST - HS ngày 19 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thị K L, (*tên gọi khác: Không*), sinh ngày 15/12/1977 tại K T.

Nơi cư trú: số nhà 02, đường Tr V K, phường Ng Tr, thành phố K T, tỉnh K T; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th (đã chết). Bị cáo có chồng là Lê Tự S, sinh năm 1970. Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1997 và nhỏ nhất sinh năm 2013.

- Tiền án: Có 02 tiền án.

Ngày 01/11/2018, Trần Thị K L bị Tòa án nhân dân thành phố K T xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa được xóa án tích).

Ngày 10/9/2020, Trần Thị K L bị Tòa án nhân dân thành phố K T xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa được xóa án tích).

- Tiền sự: Không

- Về nhân thân của bị cáo: Ngày 01/11/1994, bị Tòa án thị xã K T xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 19/8/1995, bị Tòa án nhân dân thị xã K T xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Chống người thi hành công vụ”, tổng hợp hình phạt

của bản án ngày 01/11/1994, phải chấp hành 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Ngày 11/4/1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh K Tu xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của Bản án năm 1995, phải chấp hành 03 năm 03 tháng.

Ngày 04/9/1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh K T xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, phải chấp hành 07 năm 03 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2023 đến nay đưa ra xét xử, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1980. Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: số nhà 11, đường Ng Tr, phường Th Nh, thành phố K T, tỉnh K T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 31/01/2023, Trần Thị K L đi đến ki ốt bán hoa quả tại 65a H V T, phường Qu Th, thành phố K T, tỉnh K T để mua hoa quả. Tại đây, L phát hiện chị Nguyễn Thị Ng K sau khi lấy tiền thì bỏ tiền vào cốp xe mô tô (dừng bên lề đường) rồi đẩy yên xe lại nhưng không khóa yên xe, nên L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ví trên của chị K. Thấy K đi vào mua hoa quả và không có ai để ý, L liền đi đến vị trí dựng xe mô tô của Kiều, dùng tay mở yên xe rồi lấy trộm một chiếc ví da cầm tay màu nâu, bên trong có một chiếc điện thoại di động Iphone 13 Pro màu xanh và số tiền 1.587.000 đồng (*Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng*). Lấy xong, L ra đường xin nhờ xe một người đi đường (*không rõ nhân thân lai lịch*) thì được người này đồng ý và chở L đến bùng binh cầu Đăk Bla thì L xuống xe đi bộ vào đường Tr Qu Tr thuộc phường Qu Th, thành phố K T để đi về nhà. Khi đi đến đoạn đường bờ kè gần khi đi tích Ng K T, L mở ví lấy một chiếc điện thoại di động Iphone 13 Pro màu xanh và số tiền 1.587.000 đồng rồi vứt ví vào cống nước trên đường. Tiếp đó, L đi bộ về nhà tại số 02 Tr V K, phường Ng Tr, thành phố K T. Khi về đến nhà, L giấu chiếc điện thoại vào sau nắp đáy bồn cầu trong nhà vệ sinh.

Phát hiện mất tài sản, chị K có làm đơn trình báo gửi Cơ quan Công an. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, Công an phường Qu Th đến kiểm tra thì phát hiện, thu giữ 01 chiếc điện thoại di động trên và số tiền 1.587.000 đồng tại nhà của Trần Thị Kim Loan.

Tại kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐ ngày 03/02/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố K T, kết luận: giá trị một ví da cầm tay màu nâu nhãn hiệu LOUIS VUITTON tại thời điểm chiếm đoạt là 474.000 đồng, giá trị của một chiếc điện thoại di động Iphone 13 Pro (128GB) màu xanh tại thời điểm chiếm đoạt là 23.783.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm

đoạt là: 25.844.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K T đã tịch thu và xử lý trong quá trình điều tra vụ án: Trả lại một ví da cầm tay màu nâu nhãn hiệu LOUIS VUITTON; một chiếc điện thoại di động Iphone 13 Pro (128GB) màu xanh và số tiền 1.587.000 đồng (*một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Ng K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Trần Thị K L về tội “*Trộm cắp tài sản*” như Cáo trạng số 67/CT-VKSTPKT ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị K L từ 30 (*ba mươi*) tháng đến 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*”, mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình, cộng đồng xã hội và lao động sản xuất giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người bị hại chị Nguyễn Thị Ng K có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của chị K không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan CSĐT Công an thành phố K T, tỉnh K T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T, tỉnh K T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố K T đã thu thập, đúng với hành vi phạm tội mà bản cáo trạng đã truy tố bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 31/01/2023, tại địa chỉ số 65a H V T , phường Q T, thành phố K T, tỉnh K T, Trần Thị K L lợi dụng sơ hở của chủ sở

hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp một ví da cầm tay nhãn hiệu LOUIS VUITTON trong ví có: một chiếc điện thoại di động Iphone 13 Pro (128GB) màu xanh và số tiền 1.587.000 đồng (*Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Thị K L đã chiếm đoạt của bị hại là 25.844.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, tại bản án số 102/2020/ HSST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố KT , đã áp dụng tình tiết tăng nặng là “tái phạm” đối với Trần Thị K L, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng số 67/CT-VKSTPKT ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trước khi thực hiện tội phạm bị cáo đã quan sát, chờ thời cơ, lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản để trộm cắp tài sản. Hành vi đó đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố K T. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với lần thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo Trần Thị K L là “tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết áp dụng để định khung, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tuy nhiên, tài sản trộm cắp được thu giữ trả lại cho bị hại nguyên vẹn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Xét về nhân thân của bị cáo: Bản thân bị cáo L có nhân thân xấu, đã từng bị nhiều lần kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân sống biết tôn trọng pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì, nên HĐXX không xem xét.

[9] Về vật chứng: Vật chứng đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum xử lý trong quá trình điều tra đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị K L** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị K L **03 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/01/2023.

2. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị K L phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (21/6/2023) lên Toà án nhân dân tỉnh K T để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND TP Kon Tum;
- CCTHA DS TP Kon Tum;
- Công an TP Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Phòng hồ sơ PV27 công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Ngữ